

Bản án số: 794 /2019/HSPT
Ngày 16/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;
- Các Thẩm phán: + Ông Võ Hồng S;
+ Bà Phan Thị Vân H;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc C, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh T, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 827/2019/TLPTHS ngày 16 tháng 10 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Lương Xá, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh H nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 01/12 (không biết chữ); họ tên bố: chưa xác định; họ tên mẹ: Lê Thị D, sinh năm 1958; gia đình bị cáo có 03 anh em, Lê Văn T là con thứ hai; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985, đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012.

Nhân thân của bị cáo: Năm 2002, Lê Văn T bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 02 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt và được ra trại ngày 07/11/2003, đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2019, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Ông Phạm B là Luật sư của Văn phòng Luật sư Th Việt thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; có mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ, ngày 16/01/2019, Lê Văn T rủ Trịnh Quang H, trú tại huyện Ân Thi, tỉnh HY đi vào T để thăm Trần Văn Đ đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, H đồng ý. Sau đó, Lê Văn T gọi điện cho lái xe taxi tên là Bùi Văn B, trú tại thôn Đồng Mỹ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh H đến chở T

và H vào T. Bình lái xe taxi biển kiểm soát 34A-131.35 đến đón T và H. Khi đi đến thị xã Bim Sơn, T thì Th quê ở T gọi điện cho T nói có việc nhờ T và hẹn gặp nhau tại thị trấn Nông Công, tỉnh T, T đồng ý và bảo B lái xe taxi chở T và H vào Thị trấn Nông Công. Đến khoảng 06 giờ sáng ngày 17/01/2019, khi xe chạy đến thị trấn Nông Công, T và H vào nhà nghỉ “Vạn Xuân” chờ gặp Th. Sau khi vào nhà nghỉ Vạn Xuân, T và H lên phòng nghỉ, còn Bùi Văn B nằm nghỉ trong xe taxi. Đến khoảng 22 giờ ngày 17/01/2019, Th gọi điện cho T hẹn gặp T tại một quán internet cách nhà nghỉ Vạn Xuân khoảng 05 km, T một mình đi đến gặp Th. Tại đây, Th đặt vấn đề thuê T vận chuyển ma túy từ huyện Mai Châu, tỉnh H đến khu vực Xuân Mai, H, Th sẽ trả cho T 05 triệu đồng tiền công và tiền đi taxi cho T, T đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, Th cho T một gói nhỏ ma túy đá để sử dụng, T nhận mang về nhà nghỉ Vạn Xuân sử dụng cùng với H. Khoảng 05 giờ ngày 18/01/2019 Th điện thoại cho T hẹn gặp tại thị trấn Mai Châu, tỉnh H để nhận ma túy. Sau đó T và H đi taxi do Bình lái lên thị trấn Mai Châu, tỉnh H. Đến khoảng 15 giờ ngày 18/01/2019 T và H đi đến thị trấn Mai Châu, T thuê nhà nghỉ Ngọc Bách để nghỉ. Sau đó, Th đi xe máy đến cổng nhà nghỉ đón T đi đến một khu vực hẻo lánh cách nhà nghỉ Ngọc Bách khoảng 10km theo hướng từ thị trấn Mai Châu, H đi T, Th dừng xe và bảo T đứng đây đợi để Th đi lấy ma túy. Th đi được khoảng 10 phút thì quay lại đưa cho T 01 bọc nylon bên trong chứa ma túy và nói bên trong có hai đàn ngựa (hồng phiến) cùng hàng đá (ma túy đá). Th dặn T, khi nào ra đến Xuân Mai, Hà Nội thì gọi điện thoại cho Th để Th nhận số ma túy trên và trả tiền công cho T. Sau đó, T gọi điện cho H đi xe taxi của Bình đến đón T. Khi xe taxi đến, T cầm theo gói ma túy lên xe và ngồi ở ghế sau phía bên ghế lái, thấy T mang túi đồ lên xe H hỏi T “đồ gì đây anh”, T trả lời “có 02 đàn ngựa (ma túy tổng hợp) anh Th gửi cầm hộ anh ấy về Xuân Mai, H”. Sau đó T cất giấu bọc nylon chứa ma túy xuống sàn của xe taxi, ngay cạnh chân T đang ngồi và bảo B lái xe chở T và H ra Xuân Mai, H. Do không biết đường nên Bình đã dùng phần mềm Google Maps chỉ đường và đi về hướng T để đi Xuân Mai, H. Khi xe taxi chở T và H đi đến km 86+900 thuộc địa phận thôn Bái Tôm, xã Điện Quang, huyện Bá Thước, tỉnh T thì bị Công an tỉnh T kiểm tra và bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nylon màu trắng bên trong gồm 02 gói chứa tổng 394 viên nén màu hồng; 04 viên nén màu xanh; 01 túi nylon màu đen, tiếp đến là lớp túi dạng túi chè bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; thu của Lê Văn T: 01 ĐTDĐ cảm ứng màu nâu vàng, nhãn hiệu HUAWEI; 01 ĐTDĐ bàn phím cứng nhãn hiệu Masster và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Văn T; thu của Trịnh Quang H 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia dạng phím bấm màu đen; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone màu vàng; tiền Việt Nam 117.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 438/MT-PC09 ngày 22/01/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh T kết luận: 01 túi nylon màu trắng bên trong

gồm 02 gói chứa tổng 394 viên nén màu hồng có khối lượng 38,9361gram; 04 viên nén màu xanh có khối lượng 0,385 gram đều là ma túy, loại Methamphetamine; 01 túi nilon màu đen bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng có khối lượng 467,890 gram là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2019/HSST ngày 16/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên bố Lê Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn T tù Chung thân.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2019, Lê Văn T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho bị cáo được giảm hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, ý kiến tranh luận của bị cáo và Luật sư bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi như cấp sơ thẩm đã quy kết. Những lời khai nhận của bị cáo đều thống nhất, phù hợp trong suốt quá trình điều tra, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 18 giờ ngày 18/01/2019, tại tuyến đường QL217 thuộc địa phận thôn Bái Tôm, xã Điện Quang, huyện Bá Thước, tỉnh T, Lê Văn T đang có hành vi vận chuyển trái phép 507,211g ma túy loại Methamphetamine từ huyện Mai Châu, tỉnh H ra Xuân Mai, thành phố H thì bị Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật. Hành vi này của Lê Văn T bị cấp sơ thẩm quy kết về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xác định: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2002 đã bị xử phạt về tội “Cuớp tài sản”. Tại các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, mức hình phạt tù Chung thân đối với bị cáo trong trường hợp này là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, không thấy bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới đáng kể, cho

nên Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo như quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn T** hình phạt **tù Chung thân**. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2019.

3. Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam Công an tỉnh T;
- Bị cáo T (gửi qua trại giam);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng P